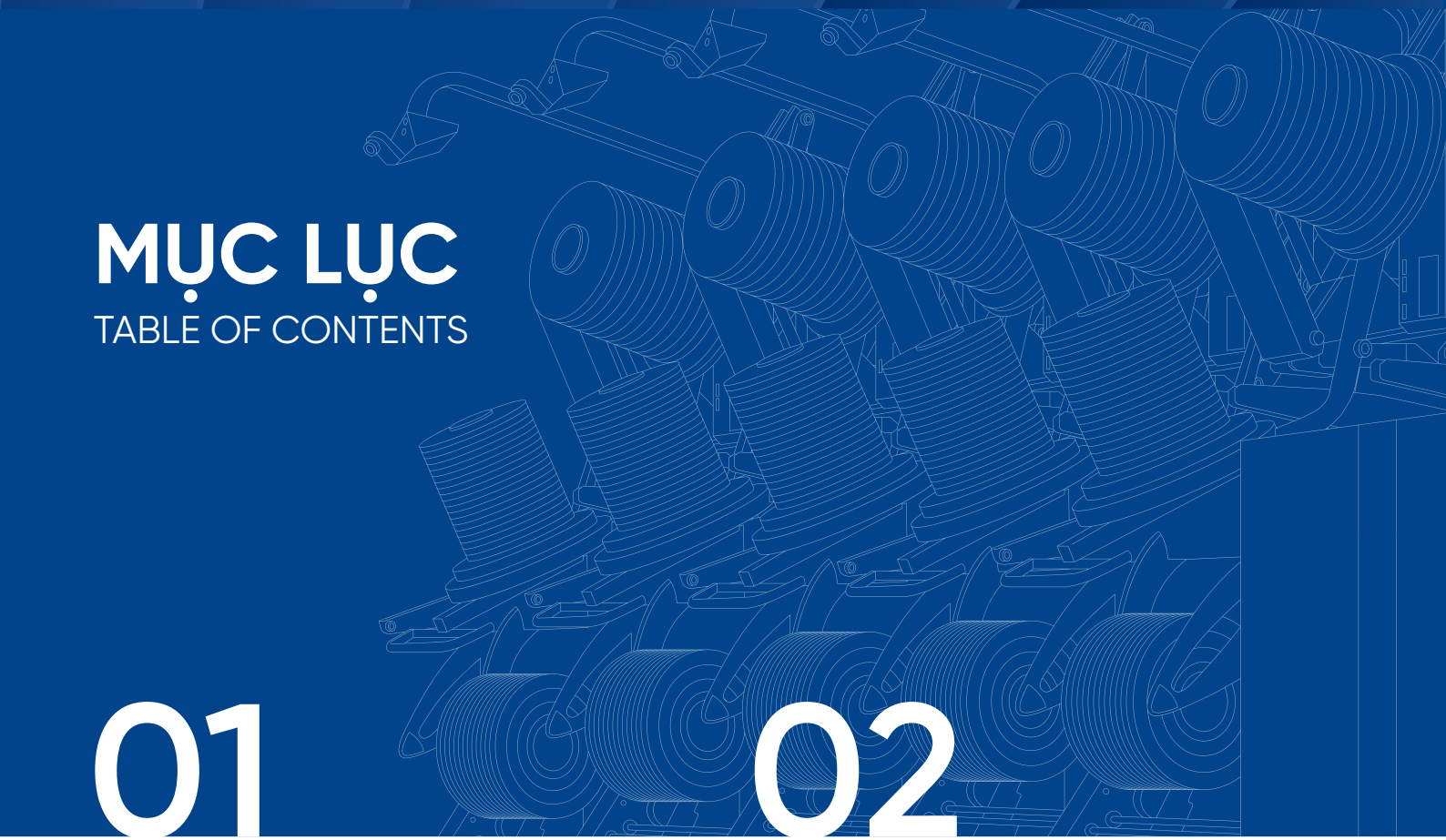
HAICATEX
SINCE 1967

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
HANOI INDUSTRIAL TEXTILE JOINT-STOCK COMPANY

Vải mành lốp
TIRE CORD FABRICS







MỤC LỤC
TABLE OF CONTENTS

01
GIỚI THIỆU CHUNG 3
INTRODUCTION

02
DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT 5
PRODUCTION LINE

03
THÔNG SỐ KĨ THUẬT 11
SPECIFICATION

04
TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM 14
LABORATORY

05
ỨNG DỤNG 15
APPLICATION

06
KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU 17
MAJOR CLIENTS

01 GIỚI THIỆU CHUNG
INTRODUCTION

NHÀ SẢN XUẤT, NHÀ CUNG CẤP SẢN PHẨM VẢI CÔNG NGHIỆP HÀNG ĐẦU VIỆT NAM

Công ty cổ phần Dệt công nghiệp Hà Nội - Haicatex được thành lập từ năm 1967 là doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam chuyên sản xuất các sản phẩm vải công nghiệp (vải mành, vải địa kỹ thuật) dùng trong công nghiệp lốp cao su, xây dựng, giao thông, thủy lợi.

Vải mành HAICATEX được sử dụng trong các doanh nghiệp cao su để sản xuất lốp xe (xe đạp, xe máy, ôtô...), là sản phẩm truyền thống của Haicatex từ khi thành lập đến nay, được các tổ chức đánh giá chất lượng chứng nhận, được bạn hàng trong và ngoài nước tin dùng.

Qua hơn nửa thế kỷ phát triển, không ngừng đổi mới về công nghệ, thiết bị. Vải mành hiện đang được sản xuất bằng nguyên liệu sợi nylon 6 và 6.6 trên dây chuyền thiết bị tiên tiến nhất thế giới: ALLMA, PICANOL, BENNINGER. với quy trình kiểm soát chất lượng ISO 9001:2015, phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ASTM.

HAICATEX luôn tự hào về uy tín chất lượng sản phẩm, đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm. Vải mành HAICATEX đã đạt nhiều giải thưởng, huy chương vàng chất lượng, được công nhận là sản phẩm chủ lực của thành phố Hà Nội, sản phẩm tiêu biểu của ngành Dệt May...

Dây chuyền thiết bị tiên tiến nhất thế giới: ALLMA, PICANOL, BENNINGER,...

Công suất
10.000
tấn vải/năm
(tương đương 20 triệu tấn vải)

Sản xuất bằng nguyên liệu sợi nylon 6 và 6.6 trên dây chuyền hiện đại

Trọng lượng vải đến
800
gr/m²

Khổ rộng vải tới
1,5
m

Vải mành HAICATEX giữ thị phần lớn trong các doanh nghiệp cao su trong nước và đã được xuất khẩu đi các nước Thái Lan, Indonesia, Philippines, Singapore, Taiwan...



Established in 1967, Hanoi Industrial Textile JSC - Haicatex is a leading manufacturer in Vietnam, HAICATEX specilized in producing industrial textile products (tire cord fabric, non-woven geotextile) for making bicycles, motor & auto tires, construction, irrigation system...

HAICATEX Tire cord is used by customers for producing many kinds of tires (bicycles, motor & auto tires...), it has been traditional product of Haicatex since the beginning and has been certified by Quality inspection organizations, Haicatex Tire cord has earned the trust from domestic and foreign clients.

For almost half a century of development, continuous improvement in technology and equipment, Haicatex Tire cord is currently produced by nylon 6 and 6.6 fabric on one of the most advanced and modern production lines in the world, such as: ALLMA, PICANOL, BENNINGER...under strict quality control system of ISO 9001:2015, ASTM standard laboratory.

Capacity: over 10.000 tons of fabric/year
(approximately 20 million square meter of fabric)
Weight: up to 800 gr/m²
Width: up to 1.5 m

HAICATEX is always proud of reputation for product quality and an experienced team of expert. HAICATEX Tire cord has received many awards, gold medals and has been recognized as Hanoi city key industrial products, and representative product of Vietnam garment and textile sector...

Haicatex Tire Cord has occupied large market share in the domestic market and has been exported to other countries, such as Thailand, Indonesia, Philippines, Singapore, and Taiwan....

02 DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT
PRODUCTION LINE

NGUYÊN LIỆU
Sợi Filament,
Nylon 6 và 6.6
Sợi tổng hợp khác

INPUTS
Filament Yarn,
Nylon 6 and 6.6
Other synthesized yarn

MÁY XE SỢI
Twisting/ Cabling Machine

MÁY DỆT
Weaving machine

MÁY NHÚNG KEO
Dipping Machine

VẢI THÀNH PHẨM
Final product



HAICATEX

Luôn luôn đồng hành với quý khách hàng
trong mọi giải pháp về vải mành lốp



DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT
PRODUCTION LINE



SAURER.
Allma

HỆ THỐNG MÁY XE SỢI

Hệ thống máy xe sợi được sử dụng tại công ty hiện là thiết bị tiên tiến nhất của Tập đoàn sản xuất máy xe sợi nối tiếng thế giới - ALLMA (CHLB Đức).
Công ty hiện đang s ở hữu dòng máy xe Allma Saurer - model CC4 là loại mới nhất hiện nay, tốc độ cọc có thể đạt trên 11.000v/ph. Máy được trang bị hệ thống tự động kiểm soát ba-lon vòng sợi cho từng cọc, giúp ổn định sức căng và giảm tiêu hao điện năng, nâng cao chất lượng sản phẩm.

TWISTING /CABLING MACHINE SYSTEM

Haicatex is using the direct cabling machines from the most well-known twisting and cabling machine manufacturer in the world - ALLMA (GERMANY).
We own cable corder ALLMA Saurer - model CC4, which is the most advanced system, with over 11.000 rounds per minute spindle. The machine is equipped auto yarn ballon controlled system in order to balance the strength, reduce the electricity cconsumption, and also increase product quality.

PICANOL

BENNINGER

MÁY DỆT PICANOL

Máy dệt Picanol thế hệ Omni plus là loại máy dệt thổi khí tốc độ cao của vương quốc Bỉ. Các thế hệ máy dệt Picanol là loại nổi tiếng toàn cầu do tính linh hoạt trong chuyển đổi mặt hàng và chất lượng mà nó mang lại.

Hệ thống máy Dệt Picanol Omni Plus là loại tạo biên gập, tốc độ máy đạt 1000v/ph, chiều rộng mắc sợi tới 190cm , trọng lượng vải đạt tới 800g/m². Máy được trang bị dàn Texkimp mắc quả sợi với tổng số sợi lên đến trên 1700 sợi, giúp đa dạng hóa mặt hàng, dàn texkim có khả năng kiểm soát sức căng đồng đều toàn bộ quả sợi, giúp tăng cao chất lượng vải mộc.

MÁY NHÚNG KEO

Với công nghệ Beninger(Đức) , hệ thống cuộn vải, thiết bị định tâm, thiết bị tự điều chỉnh khổ vải, thiết bị vuốt biên vải của Benninger. Máy khâu đầu vải của hãng BIRCH (Anh) Chất lượng vải mành nhúng keo luôn ổn định và đạt mức cao.

Tốc độ nhúng keo : Đạt 80m/ph.
Khổ rộng vải thành phẩm : tới 1,5m
Sản lượng : 10.000 tấn / năm

PICANOL WEAVING MACHINE

Picanol weaving machine, model Omni Plus is air jet one from Belgium, well known all over the world for flexibility, performance, and quality of the product.

The Picanol Omni Plus 800 TC machine which creates the merge fold , reaches speeds of up to 1000 rounds per minutes, reed width: 190cm, weight: 800g/m², The machine is equipped with Texkimp with total number of thread can be over 1700 ends, which help to diversit products, control tension strength and increase product quality.

DIPPING MACHINE

With Benninger technology (from Germany), winder surface system , Centre Guide OE, Trio Canter, Duos Expander and sewing machine BIRCH (from England), the quality of dipped nylon tire cord has been maintained highly and stably.

Dipped Speed : up to 80m/ minute
Width of Final product: up to 1.5m
Capacity : 10.000 tons/year









DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT
PRODUCTION LINE









HAICATEX

Luôn tự hào về uy tín, chất lượng sản phẩm,
đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm

HAICATEX®

03 THÔNG SỐ KỸ THUẬT
SPECIFICATION

SPECIFICATION OF NYLON 6 DIPPED TIRECORD

TÊN CHỈ TIÊU PROPERTIES	PHƯƠNG PHÁP THỬ TEST METHOD	ĐƠN VỊ UNIT	STANDARD							
			460 dtex/1 460D/1	700 dtex/1 700D/1	930dtex/1 840D/1	930dtex/2 840D/2	1400dtex/1 1260D/1	1400dtex/2 1260D/2	1870dtex/2 1680D/2	2100dtex/2 1890D/2
Cường lực đứt Breaking Strength	ASTM D885	N/sợi Kg/sợi	≥ 34 3.5	≥ 45 4.6	≥ 70 7.1	≥ 135 13.8	≥ 100 10.2	≥ 202 20.6	≥ 268 27.3	≥ 305 31.0
Dãn có tải Elongation at load	ASTM D885	%	12 ± 2 (22,5N)	12 ± 2 (22,5N)	11 ± 2 (44,1N)	9 ± 2 (44,1N)	11 ± 2 (66,6N)	9 ± 2 (66,6N)	9,5 ± 2 (100N)	9,5 ± 2 (100N)
Dãn đứt Elongation at break	ASTM D885	%	20±3	20±3	22±3	25±3	25±3	25±3	26±3	26±3
Độ không đều cường lực đứt CV of breaking strength	ASTM D885	%	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5
Độ không đều dãn đứt CV of elongation at break	ASTM D885	%	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5	< 5
Lực bám dính H-test Adhesion - H-test	GB: 9101 -88	N/cm	≥ 30	≥ 35	≥ 55	≥ 105	≥ 75	≥ 135	≥ 155	≥ 160
Hồi ẩm Moisture regain	GB: 9101 -88	%	≤ 1	≤ 1	≤ 1	≤ 1	≤ 1	≤ 1	≤ 1	≤ 1
Đường kính sợi Diameter	GB: 9101 -88	mm	0.21 ± 0.03	0.25 ± 0.03	0.33 ± 0.03	0.55 ± 0.03	0.42 ± 0.03	0.65 ± 0.03	0.75 ± 0.03	0.82 ± 0.03
Tỷ lệ keo bám phủ Dip pick-up	GB: 9101 -88	%	≥ 3.5	≥ 3.5	≥ 4.5	≥ 45	≥ 4.5	≥ 4.5	≥ 4.5	≥ 4.5
Co trong nhiệt (150°C/30 phút) Heat shrinkage	GB: 9101 -88	%	Max 5.0	Max 5.0	Max 6.0	Max 6.0	Max 7.0	Max 8.0	Max 8.0	Max 8.0
Độ săn Twist	GB: 9101 -88	T/10cm	24 ± 2	28 ± 2	24 ± 2	45 ± 2	25 ± 2	39 ± 2	34 ±2	32 ± 2
Mật độ ngang Weft density		end/10cm	8	8	8	8	8	8	8	8
Khối lượng riêng theo mật độ Mass		g/m²			57 ÷ 103	110 ÷ 214	87 ÷ 154	177 ÷ 343	283 ÷ 300	333 ÷ 396
Mật độ dọc Warp density		end/inch end/10cm	48 ÷ 114							
Khổ vải Fabric width		inch cm	92 ÷ 145							
Chiều dài vải The length		m ± 1%	Theo yêu cầu hợp đồng As per the orders							

Ghi chú: Các chỉ tiêu trên có thể thay đổi theo yêu cầu cụ thể của khách hàng

SPECIFICATION OF NYLON 6.6 DIPPED TIRECORD

TÊN CHỈ TIÊU PROPERTIES	**PHƯƠNG PHÁP THỬ** TEST METHOD	**ĐƠN VỊ** UNIT	**STANDARD**			
			930dtex/2 840D/2	1400dtex/2 1260D/2	1870dtex/2 1680D/2	2100dtex/2 1890D/2
Cường lực đứt Breaking Strength	ASTM D885	N/sợi Kg/sợi	≥ 140 14.3	≥ 212 21.6	≥ 273 27.8	≥ 310 31.6
Dãn có tải Elongation at load	ASTM D885	%	9 ± 2 (44,1N)	9 ± 2 (66,6N)	9,5 ± 2 (100N)	9,5 ± 2 (100N)
Dãn đứt Elongation at break	ASTM D885	%	24 ± 3	24 ± 3	25 ± 3	25 ± 3
Độ không đều cường lực đứt CV of breaking strength	ASTM D885	%	< 5	< 5	< 5	< 5
Độ không đều dãn đứt CV of elongation at break	ASTM D885	%	< 5	< 5	< 5	< 5
Lực bám dính H-test Adhesion - H-test	GB: 9101-88	N/cm	≥ 105	≥ 135	≥ 155	≥ 160
Hồi ẩm Moisture regain	GB: 9101-88	%	≤ 1	≤ 1	≤ 1	≤ 1
Đường kính sợi Diameter	GB: 9101-88	mm	0.55 ± 0.03	0.65 ± 0.03	0.75 ± 0.03	0.82 ± 0.03
Tỷ lệ bám keo phủ Dip pick-up	GB:9101-88	%	≥ 4.5	≥ 4.5	≥ 4.5	≥ 4.5
Co trong nhiệt (150°C/30 phút) Heat shrinkage	ASTM D 4974-04	%	Max 4.5	Max 6.5	Max 6.5	Max 7.5
Độ săn Twist	GB: 9101-88	T/10cm	45 ± 2	39 ± 2	34 ± 2	32 ± 2
Mật độ ngang Weft density		end/10cm	8	8	8	8
Khối lượng riêng theo mật độ Mass		g/m²	110 ÷ 214	177 ÷ 343	283 ÷ 300	333 ÷ 396
Mật độ dọc Warp density		end/inch end/10cm	48 ÷ 114			
Khổ vải Fabric width		inch cm	92 ÷ 145			
Chiều dài vải The length		m ± 1%	**Theo yêu cầu hợp đồng** As per the orders			

Note: The items can be changed according to the requirements of customers

THÔNG SỐ KỸ THUẬT
SPECIFICATION

SPECIFICATION OF POLYESTER DIPPED TIRE CORD

TÊN CHỈ TIÊU PROPERTIES	**ĐƠN VỊ** UNIT	**STANDARD**			
		1000D/2	1300D/2	1500D/2	2000/2
Cường lực đứt Breaking Strength	N/sợi Kg/sợi	≥ 140	≥ 180	≥ 196	≥ 280
Dãn có tải Elongation at load (44.1N) (66.6N) (88.2N)	%	4.5 ± 1.0	4.5 ± 1.0	4.5 ± 1.0	4.5 ± 1.0
Dãn đứt Elongation at break	%	≥14	≥14	≥14	≥14
Đường kính sợi Diameter	mm	0.56 ± 0.03	0.61 ± 0.03	0.68±0.03	0.79±0.03
Co trong nhiệt Heat air shrinkage (160°C, 20 mins)	%	1.8±0.5	1.8±0.5	1.8±0.5	1.8±0.5
Hồi ẩm Moisture regain	%	≤1	≤1	≤1	≤1
Lực bám dính H-test Adhesion H-test	N/cm	≥ 100	≥ 120	≥ 120	≥ 160
Lượng keo bám phủ Dip pickup	%	3.5 ± 1.0	3.0 ± 1.0	3.0 ± 1.0	3.0 ± 1.0
Twist No. (Z)	T/m	450 ± 15	370 ± 15	370 ± 15	330 ± 15
Twist No. (S)	T/m	450 ± 15	370 ± 15	370 ± 15	330 ± 15
Mật độ ngang Weft density	Sợi/10cm	8	8	8	8
Mật độ dọc Warp density	end/ inch	28 ± 2v	28 ± 2	28 ± 2	24 ± 2
Khổ vải Fabric width	cm	130 ± 2	130 ± 2	130 ± 2	130 ± 2

Note: Các chỉ tiêu trên có thể thay đổi theo yêu cầu cụ thể của khách hàng
(The items can be changed according to the requirements of customers)

04 TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM
LABORATORY



Hệ thống quản lý chất lượng vải mành
được cấp chứng chỉ

ISO 9001:2015

Trung tâm thí nghiệm của công ty theo tiêu chuẩn ASTM; với các thiết bị thí nghiệm hiện đại; đội ngũ chuyên viên kỹ thuật thuật giàu kinh nghiệm.

Hệ thống quản lý chất lượng vải mành được cấp chứng chỉ ISO 9001:2015

The company's laboratory is in accordance with ASTM standard, equipped with advanced testing devices and highly experienced technical experts.

Haicatex Tire cord is certified bt Quality control system ISO 9001:2015





Thí nghiệm chỉ tiêu cường lực tải / Testing of loading strength

05 ỨNG DỤNG
APPLICATION

VẢI MÀNH LỐP



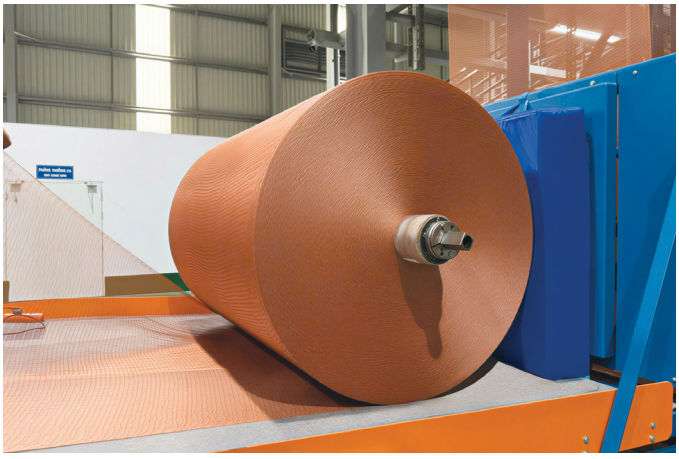
Vải mành Nylon dùng trong lốp xe các loại là có kết cấu kiểu sợi chéo (bias) và được sử dụng là sợi tổng hợp có độ bền cao làm thân lốp. Vải mành là một trong những thành phần quan trọng trong kết cấu của lốp

Với vai trò làm cốt chịu lực, đảm bảo độ bền chịu áp suất bơm hơi và ổn định kích thước của lốp trong suốt quá trình sử dụng

Hiện có nhiều loại vải mành dùng làm thân lốp trong công nghệ chế tạo lốp như: vải được làm từ sợi visco, sợi nylon, sợi polyeste, sợi thủy tinh, sợi thép...

TIRE CORD

Dipped Nylon tire cord with crossed structure (bias) is used for manufacturing a variety of tires, highly durable synthetic fabric for reinforcing materials for tires and designed to keep tires in shape and support vehicle weight, having a significant impact on tire perfomance. Currently, there are many types of fabrics which are used in tire manufacturing process, such as: fabric made from viscos yarn, nylon, polyester, glass fiber, steel fiber...

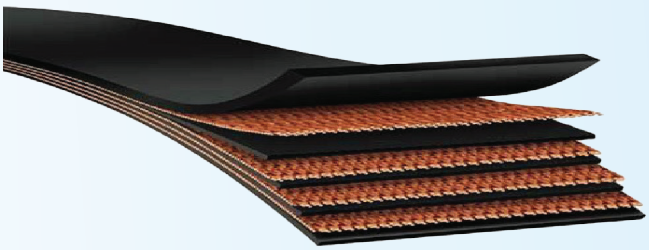








VẢI MÀNH LÀM CAO SU KỸ THUẬT



Cao su kỹ thuật nói chung hay băng tải nói riêng gồm có hai lớp chính: lớp cao su hoặc nhựa tổng hợp phủ bề mặt trên và bề mặt dưới, lớp cốt chịu lực.

Lớp cốt chịu lực của băng tải có thể từ vài đến hàng chục lướp cốt chịu lực xếp song song hay được dệt thành tấm , được cán tráng hoặc tẩm lớp cao su - nhựa tổng hợp bảo vệ.

Các loại sợi chủ yếu dùng cho băng tải công nghiệp là sợi polyeste (PE) , sợi nylon (PA), sợi Rayon, sợi aramid (Kevlar) hoặc cáp thép.

Sợi nylon hay được dùng làm sơi ngang vì nó có độ bền đứt cao, độ mảnh nhỏ và độ dãn đứt cao hơn sợi PE

TIRE CORD FOR MAKING TECHNICAL RUBBER PRODUCT

Technical rubber in general or conveyor belt in particular is inclusive of 2 main layers: rubber or synthetic resins cover the top and the force bearing core at the bottom.

The reinforced bearing core of conveyor belts can contain from few to dozen of paralleled bearing layer, or to be woven in to pad, or to be covered in rubber or synthetic resins.

The main fibers used for industrial conveyor belts are polyester (PE), nylon (PA), Rayon, aramid (Kevlar) or steel wire. FIbers with big module (Rayon, PE) are often used as vertical thread. Nylon fiber is often used as vertical thread; it has high point strength at break smaller module, and more elastic than PE.



06 | KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU
MAJOR CLIENTS

CASUMINA

DRC

SRC

CÔNG TY TNHH CAO SU NGUYỄN ĐỈNH

Vee Rubber PERFORMANCE TIRES

CMI


DENNINGER

Luôn luôn đồng hành với quý khách hàng
trong mọi giải pháp về vải mành lốp

Ver 1.0 (2026)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
HANOI INDUSTRIAL TEXTILE JOINT-STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 93 đường Lĩnh Nam,
P. Vĩnh Tuy, TP. Hà Nội

Tel: 0243.862.4621 - Fax: 0243.862.2601
E-mail: sales@haicatex.com.vn - Website: www.haicatex.com